

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Hoảng.
- Ông Huỳnh Phước Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 06A, Số 427, ấp AB, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Trần Minh D, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 06A, Số 427, ấp AB, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Minh D tổ chức đám cưới vào năm 1999 trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn và

được UBND xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 1/2005 vào ngày 15/12/2005. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mỗi lần cự cãi nhau thì anh D đánh đập chị H dẫn đến mặt mày, tay chân bầm tím. Chị H vì con nên nhẫn nhịn sống chung để cùng lo cho con nhưng anh D tính tình không thay đổi, không lo tu chí làm ăn ngược lại ngày càng đánh đập chị H nhiều hơn. Đến tháng 01/2022a1 do không thể chịu đựng thêm được nữa nên chị H đã dọn đồ về cha mẹ ruột của chị H ở. Chị H về nhà cha mẹ ruột ở được một thời gian anh D đến nhà kêu chị H về nhưng mỗi lần đến trong người đều có rượu, chị H không đồng ý về thì chửi bới, hăm dọa đòi giết chết chị H. Do thấy anh D không thay đổi được tính tình nên chị H đã lên tỉnh Long An làm thuê để tránh mặt anh D luôn. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Mộng Nc sinh ngày 19/8/2002 và Trần Nguyễn Minh N1, sinh ngày 07/02/2008. Nay ly hôn con chung tên Ngọc đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con chung tên N1 thì chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Có 01 căn nhà khung gỗ tạp, mái lợp tôn tipro xi măng, nhà cất trên phần đất của mẹ chồng tên Nguyễn Thị M cho cất nhờ nhưng chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung nào khác. Do đó, về tài sản chung chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Quá trình sống chung vợ chồng có vay bác Năm Lờ 30 triệu đồng, nợ bác Tư Trê 30 triệu đồng, chị Tâm số tiền 65 triệu đồng, vay anh Phương 70 triệu đồng, tiền hụi chết của chị Diệu 02 chân hụi một chân 3.000.000 đồng, còn 13 lần và một chân 2.000.000 đồng còn 6 lần và nợ cha ruột chị H tên Nguyễn Văn Danh số tiền hiện nay là 70 triệu đồng, số tiền này cha đứng ra vay Ngân hàng dùm vợ chồng là 170 triệu đồng. Sau khi cha bán đất đã cho vợ chồng 100.000.000 đồng nên chỉ còn nợ 70.000.000 đồng. Số tiền nợ này chị H đứng ra mượn nợ để đưa cho anh D làm vốn nuôi cá tra bột. Đối với số nợ anh D trình bày như nợ anh Thạch số tiền 57 hay 58 triệu đồng, nợ chị Kim Tư số tiền mua thức ăn 60 triệu đồng, nợ anh Khang số tiền mua thuốc số tiền 97 triệu đồng. Ngoài ra, anh D trình bày vợ chồng còn có nợ Ủy ban nhân dân xã Long Hưng A số tiền chín mươi mấy triệu. Thừa nhận vợ chồng có cùng nhau nuôi cá tra bột nhưng việc mua thuốc hay thức ăn thì đều do anh D thực hiện nên chị H không biết có nợ những người này hay không nhưng từ trước đến nay những người này cũng không có đến nhà đòi lần nào. Nay ly hôn đối với số nợ mà chị H nài ra gồm nợ bác Năm Lờ, bác Tư Trê, chị Tâm, anh Phương, và tiền hụi chị Diệu thì chị H vẫn trả dần và đóng hụi cho chị Diệu đầy đủ. Khi Tòa án yêu cầu chị H cung cấp họ tên địa chỉ của những người này cho Tòa án, chị H có đến nhà yêu cầu họ cung cấp đầy đủ họ tên và địa chỉ để chị H cung cấp cho Tòa án nhưng họ nói không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có thời gian để đến Tòa mà đồng ý để chị H trả dần nên họ không cung cấp do đó chị H không

cung cấp được họ tên và địa chỉ của họ cho Tòa án. Còn tiền nợ của cha ruột là 70 triệu đồng thì cha cũng không yêu cầu vợ chồng chị H trả trong vụ này mà cha nói khi nào có tiền thì trả cho cha nên chị H cũng không cung cấp tên và địa chỉ cho Tòa án. Đối với số tiền nợ anh D nài ra gồm nợ anh Thạch, nợ chị Kim Tư, nợ anh Khang và nợ UBND xã Long Hưng A thì chị H không trực tiếp nợ những người này nên chị H không biết tên và địa của những người này nên anh D pD có nghĩa vụ cung cấp. Nay chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các khoản nợ của vợ chồng đã nài ra mà để vợ chồng và các chủ nợ tự thỏa thuận với nhau. Trường hợp sau này các chủ nợ yêu cầu chị H và anh D cùng có trách nhiệm trả các khoản nợ kể cả các khoản nợ do anh D nài ra mà có chứng cứ chứng minh là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và là nợ chung thì chị H đồng ý cùng với anh D trả các khoản nợ chung của vợ chồng. Do đó, về nợ của vợ chồng thì chị H khẳng định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Nay chị Nguyễn Thị H khẳng định yêu cầu cụ thể mà chị H yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- + Về hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh D.
- + Về con chung: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Minh N1, sinh ngày 07/02/2008, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.
- + Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về nợ của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Trần Minh D trình bày tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/02/2023 và ngày 27/4/2023 như sau:

1. Về hôn nhân: Anh D thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian vợ chồng sống chung và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, khi vợ chồng cự cãi nhau anh D có xô chị H làm chị H té xuống gây ra các vết bầm chur anh D không có đánh chị H. Từ ngày 23/01/2022a1 chị H đã bỏ nhà đi đến nay và chặn số điện thoại luôn của anh D nên anh D không liên lạc được. Việc anh D trong lúc nóng giận có xô vợ té ngã là lỗi của anh D, anh D hứa sẽ sửa đổi tính tình của mình không tái phạm. Nay anh D còn thương vợ muốn vợ chồng đoàn tụ lại với nhau nên anh D không đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị H. Về biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng thì do chị H đã bỏ nhà ra sống riêng không sống chung với anh D, anh D không liên lạc được với chị H để tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng.

2. Về con chung: Thống nhất quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Mộng N sinh ngày 19/8/2002 và Trần Nguyễn Minh N1, sinh ngày 07/02/2008. Trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn theo như yêu cầu của chị H đối với con chung tên N đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn con chung tên N1 thì tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với cha hay mẹ thì do con quyết định. Nếu con sống với anh D thì anh D nuôi và không yêu

cầu chị H cấp dưỡng. Còn nếu con muốn sống với chị H thì anh D thống nhất giao cho chị H nuôi, anh D không pD cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Có 01 căn nhà khung gỗ tạp, mái lợp tôn tipro xi măng, nhà cất trên phần đất của mẹ ruột anh D tên Nguyễn Thị M. Đất của cha mẹ cho cất ở nhờ nên thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết mà để vợ chồng tự thoả thuận với nhau.

4. Về nợ của vợ chồng: Quá trình sống chung vợ chồng có nuôi cá tra bột nên nợ tiền mua thức ăn của anh Thạch ở Hoà Long số tiền 57 hay 58 triệu đồng không nhớ cụ thể, nợ khoảng 3 năm nay, nợ chị Kim Tư ở ngã năm Tân Thành số tiền mua thức ăn 60 triệu đồng, nợ khoảng 02 năm nay, nợ anh Khang ở Tân Mỹ số tiền mua thuốc là 97 triệu đồng, nợ khoảng 04 năm nay. Ngoài ra còn nợ Ủy ban nhân dân xã Long Hưng A số tiền chín mươi mấy triệu, số tiền này Nhà nước cho mượn để trồng cây bông giấy thời hạn trả là 05 năm trả góp hàng hiện nay còn nợ khoảng 91 hay 92 triệu đồng. Thừa nhận số tiền nợ ông Năm Lờ, ông Tư Trề, chị Tâm, anh Phương và tiền hụi chết chị Diệu là có như chị H trình bày. Số tiền nợ cha vợ Nguyễn Văn Danh 170 triệu đồng nhưng khi cha vợ bán đất đã cho lại số tiền 100 triệu đồng nên nay vợ chồng chỉ còn nợ ông Danh số tiền là 70 triệu đồng. Nay nếu giải quyết ly hôn thì thống nhất chia đôi toàn bộ số nợ của vợ chồng mỗi người có trách nhiệm trả một nửa.

Về tên tuổi, địa chỉ của những người chủ nợ mà anh D nài ra thì anh D chưa cung cấp được cho Toà án. Anh D yêu cầu Toà án cho anh D thời hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay 27/4/2023 để anh D làm văn bản trình bày ý kiến, cung cấp họ tên, địa chỉ của những người mà vợ chồng anh D nợ cho Toà án để giải quyết chia đôi số nợ của vợ chồng. Trường hợp không cung cấp được thì yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên toà từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên toà. Riêng bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Minh D.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Minh Nhựt, sinh ngày 07/02/2008 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Về Tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không kem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh D và có yêu cầu nuôi con nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn anh Trần Minh D có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Minh D đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với Trần Minh D.

Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh D có nài ra vợ chồng có nợ người khác đến nay chưa trả nhưng quá trình giải quyết vụ án chị H và anh D đều không cung cấp được họ và tên, năm sinh, địa chỉ của những người mà chị H và anh D nài ra nên Tòa án không thể đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết trong vụ án này.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Minh D cùng thống nhất anh chị tổ chức đám cưới vào năm 1999 nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Ủy ban nhân dân xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01/2005 vào ngày 15/12/2005 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị H cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc và anh D thường xuyên đánh đập chị H gây thương tích. Từ tháng 01/2022a1 chị H đã dọn đồ về cha mẹ ruột của chị H ở nên vợ chồng đã sống xa nhau cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh D. Còn anh D quá trình giải quyết vụ án anh D cho rằng vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn gì lớn, khi vợ chồng cự cãi nhau anh D có xô chị H làm chị H té xuống nên đã gây ra các vết bầm chur anh D không có đánh chị H. Từ ngày 23/01/2022a1 chị H đã bỏ nhà đi đến nay và chặn số điện thoại luôn của anh D nên anh D không liên lạc được. Việc anh D trong lúc nóng giận có xô vợ té ngã là lỗi của anh D, anh D hứa sẽ sửa đổi tính tình của mình không tái phạm. Nay anh D còn thương vợ muốn vợ chồng đoàn tụ lại với nhau nên anh D không đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị H. Về biện pháp hàn gắn tình cảm vợ

chồng thì do chị H đã bỏ nhà ra sống riêng không sống chung với anh D, anh D không liên lạc được với chị H để tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, anh D cũng đã thừa nhận vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và từ khi vợ chồng sống xa nhau đến nay vợ chồng cũng không đoàn tụ được và anh D cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Tòa án đã triệu tập anh D đến Tòa án để tiếp tục hòa giải tình cảm vợ chồng cũng như đến tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh D không mong muốn Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cuộc hôn nhân này. Tại phiên Tòa ngày hôm nay chị H nhất quyết yêu cầu được ly hôn với anh D, không đồng ý đoàn tụ. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Trần Minh D.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh D đều thừa nhận anh chị có 02 con chung tên là Trần Mộng N sinh ngày 19/8/2002 và Trần Nguyễn Minh N1, sinh ngày 07/02/2008. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Minh N1, con chung tên Trần Mộng N đã trưởng thành tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh D trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày nếu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H thì về con chung tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Tại tờ tường trình của cháu Minh N1 thì cháu có nguyện vọng được sống chung với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu Trần Nguyễn Minh N1 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Còn cháu Trần Mộng N đã trưởng thành, chị H không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị H và anh D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng có vay bác Năm Lờ 30.000.000 đồng, nợ bác Tư Trê 30.000.000 đồng, chị Tâm số tiền 65.000.000 đồng, vay anh Phương 70.000.000 đồng, tiền hụi chết của chị Diệu 02 chân hụi một chân 3.000.000 đồng, còn 13 lần và một chân 2.000.000 đồng còn 6 lần và nợ cha ruột tên Nguyễn Văn Danh số tiền hiện nay là 70.000.000 đồng. Số tiền nợ này chị H đứng ra mượn nợ để đưa cho anh D làm vốn nuôi cá tra bột. Đối với số nợ anh D nài ra thì chị H thừa nhận vợ chồng có cùng nhau nuôi cá tra bột nhưng việc mua thuốc hay thức ăn thì đều do anh D thực hiện nên chị H không biết có nợ những người này hay không nhưng từ trước đến nay những người này cũng không có đến nhà đòi lần nào.

Còn anh D quá trình giải quyết vụ án trình bày, vợ chồng sống chung có nuôi cá tra bột nên nợ tiền mua thức ăn của anh Thạch ở Hoà Long số tiền 57 hay 58 triệu đồng không nhớ cụ thể, nợ khoảng 3 năm nay, nợ chị Kim Tư ở ngã năm Tân Thành số tiền mua thức ăn 60 triệu đồng, nợ khoảng 02 năm nay, nợ anh Khang ở Tân Mỹ số tiền mua thuốc là 97 triệu đồng, nợ khoảng 04 năm nay. Ngoài ra còn nợ Ủy ban nhân dân xã Long Hưng A số tiền chín mươi mấy triệu, số tiền này Nhà nước cho mượn để trồng cây bông giấy thời hạn trả là 05 năm trả góp hàng hiện nay còn nợ khoảng 91 hay 92 triệu đồng. Thừa nhận số tiền nợ ông Năm Lờ, ông Tư Trê, chị Tâm, anh Phương và tiền hui chết chị Diệu là có như chị H trình bày. Số tiền nợ cha vợ Nguyễn Văn Danh 170 triệu đồng nhưng khi cha vợ bán đất đã cho lại số tiền 100 triệu đồng nên nay vợ chồng chỉ còn nợ ông Danh số tiền là 70 triệu đồng. Nay nếu giải quyết ly hôn thì thống nhất chia đôi toàn bộ số nợ của vợ chồng mỗi người có trách nhiệm trả một nửa.

Tuy nhiên, chị H và anh D không cung cấp được họ tên, năm sinh địa chỉ của những người mà vợ chồng đang nợ. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu chị H và anh D pD cung cấp cho Tòa án họ tên, năm sinh địa chỉ cụ thể của những người mà vợ chồng đang nợ nhưng chị H và anh D cũng không cung cấp cho Tòa án. Đối với số nợ mà chị H và anh D nại có nợ UBND xã Long Hưng A thì UBND xã có Công văn số 294/UBND-HC ngày 05/5/2023 xác định UBND xã không có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Trần Minh D vay tiền. Do đó, Tòa án không có căn cứ để đưa những người mà vợ chồng chị H và anh D nợ vào tham gia tố tụng với tư cách là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để giải quyết. Tại phiên tòa chị H khẳng định không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung của vợ chồng mà để chị H và anh D tự thỏa thuận trả nợ với các chủ nợ. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về số nợ của vợ chồng chị H và anh D trong vụ kiện này. Nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án kiện dân sự khác theo thủ tục chung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Trần Minh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là phù hợp như đã phân tích ở trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, Điều 6, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Minh D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Minh N1, sinh ngày 07/02/2008 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo biên lai số 0016369 ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Minh D được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pD thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; (CNKH 146 ngày 15/12/2005)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội